

Đề bài

Tuyên ngôn Độc lập

của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một văn kiện chính trị có giá trị lịch sử lớn lao, trang trọng tuyên bố về nền độc lập của dân tộc Việt Nam trước nhân dân trong nước và thế giới. Tuyên ngôn Độc lập là tác phẩm có giá trị pháp lí, giá trị nhân bản và giá trị nghệ thuật cao. Anh (chị) hãy phân tích để làm rõ các giá trị đó của bản tuyên ngôn.

Bài làm

Văn chính luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh được viết với mục đích đấu tranh chính trị hoặc thể hiện những nhiệm vụ cách mạng qua từng chặng đường lịch sử. Cách mạng tháng Tám là một sự kiện lịch sử trọng đại và *Tuyên ngôn Độc lập* là một văn kiện lớn được Bác viết ra để tuyên bố trước công luận trong và ngoài nước về quyền độc lập dân tộc. Bản tuyên ngôn có giá trị nhiều mặt: giá trị lịch sử to lớn; giá trị pháp lí vững chắc; giá trị nhân bản sâu sắc và giá trị nghệ thuật cao.

Khi Bác Hồ đọc *Tuyên ngôn Độc lập* tại quảng trường Ba Đình, ở miền Nam, thực dân Pháp nấp sau quân đội Anh (thay mặt quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật) đang tiến vào Đông Dương còn ở phía Bắc, bọn Tàu Tưởng, tay sai của đế quốc Mỹ đã trực sẵn ở biên giới. Trong nước, bọn phản động tìm cách ngóc đầu dậy hòng lật đổ chính quyền cách mạng. Người viết bản tuyên ngôn cũng thừa hiểu rằng: “mâu thuẫn giữa Anh – Mỹ – Pháp và Liên Xô có thể làm cho Anh và Mỹ nhân nhượng với Pháp và để cho Pháp trở lại Đông Dương” (nhận định của Đảng trong Hội nghị toàn quốc ngày 15 tháng 8 năm 1945).

Cũng trong thời gian đó, Hội nghị Tê-hê-răng và Xanh Frăng-xcô gồm các nước thắng trận thuộc phe đồng minh được tổ chức nhằm chia lại thuộc địa sau chiến thắng phát xít. Hội nghị ao ước: các nước thắng trận được trở lại cai trị các nước đã từng là thuộc địa, còn các nước là thuộc địa của phe Pháp xít thì quân Đồng minh sẽ đến giải giáp và giao quyền tự trị cho nước đó.

Để chuẩn bị cho cuộc xâm lược lần thứ hai của mình, Pháp đã tung ra trước dư luận quốc tế những lí lẽ “hùng hồn” của bọn ăn cướp rằng: Đông Dương vốn là thuộc địa của Pháp, Pháp có công “khai hóa”, nay trở lại là lẽ đương nhiên. Tuyên ngôn khẳng định từ mùa thu năm 1940, Việt Nam là thuộc địa của Nhật, điều đó có nghĩa là Việt Nam có quyền như một nước thắng trận.

Như vậy, bản tuyên ngôn không chỉ đọc trước đồng bào và một thế giới chung chung, trừu tượng, cũng không phải chỉ để tuyên bố độc lập một cách giản đơn. Đối tượng thế giới ở đây trước hết là bọn đế quốc (Anh – Pháp – Mỹ), đặc biệt là Pháp, kẻ đang lăm le trở lại xâm lược nước ta. Sự khẳng định quyền độc lập, tự do của dân tộc cũng đồng thời là một cuộc đấu tranh chính trị nhằm bác bỏ luận điệu của bọn xâm lược.

Tuyên ngôn Độc lập có bố cục hai phần rõ rệt. *Phần thứ nhất* là những lập luận nhằm bác bỏ luận điệu của thực dân Pháp, triệt để phủ nhận mọi dính líu của Pháp tới Việt Nam. Đây chính là cơ sở pháp lí và cơ sở thực tiễn của tuyên ngôn. *Phần thứ hai* là nội dung tuyên ngôn hướng tới các đối tượng cụ thể, đặc biệt khẳng định quyết tâm sắt đá của toàn thể dân tộc Việt Nam trong việc bảo vệ nền độc lập của mình.

Mở đầu bản tuyên ngôn của nước Việt Nam, Bác lại dẫn lời trong hai bản tuyên ngôn của Mỹ và của Pháp. Nội dung những lời trích dẫn là khẳng định quyền bình đẳng, quyền tự do, quyền sống và quyền mưu cầu hạnh phúc của mỗi cá nhân. Đó là những quyền hiển nhiên, tất yếu và bất khả xâm phạm. Như vậy, cơ sở pháp lí của bản tuyên ngôn là quyền tự do, bình đẳng của con người. Hồ Chí Minh đã đứng trên quan điểm ấy mà đối thoại với bọn đế quốc về quyền dân tộc.

Trước hết, cách nói, cách viết của Bác vô cùng khéo léo và kiên quyết. Khéo léo ở chỗ, khẳng định quyền tự do, độc lập của dân tộc bằng chính những lời lẽ của tổ tiên người Mỹ, người Pháp, hai bản tuyên ngôn đã từng làm vẻ vang cho truyền thống tư tưởng, văn hóa của những dân tộc ấy. Trong đối thoại, có trọng người thì người mới trọng ta, cách mở đầu của Bác như vậy là rất khéo.

Khéo léo mà vẫn rất kiên quyết vì qua đó để nhắc nhở họ đừng phản bội tổ tiên mình, đừng làm vấy bùn lên lá cờ nhân đạo của những cuộc cách mạng vĩ đại của nước Pháp, nước Mỹ nếu nhất định tiên quân xâm lược Việt Nam.

Mở đầu bản *Tuyên ngôn Độc lập* của Việt Nam mà nhắc đến hai bản tuyên ngôn nổi tiếng của hai nước lớn cũng có nghĩa là đặt ba cuộc cách mạng ngang hàng nhau, ba nền độc lập ngang hàng nhau, ba bản tuyên ngôn ngang hàng nhau. Hơn nữa, vào thời điểm ấy (1945), trên thế giới có rất ít nước, ít chính phủ biết đến Việt Nam. Cho nên nếu ta đưa ra một bản tuyên ngôn với những lập luận hoàn toàn của ta (cho dù là đanh thép đi nữa) thì tác dụng thông điệp với cộng đồng thế giới chắc chắn sẽ bị hạn chế. Thế giới đã thừa nhận tuyên ngôn của Mỹ và của Pháp thì không có lí gì lại không thừa nhận tuyên ngôn của Việt Nam.

Cách làm này của Bác đã đưa dân tộc ta đường hoàng bước lên vũ đài chính trị thế giới.

Một cách kín đáo hơn, *Tuyên ngôn Độc lập* của Bác dường như muốn gọi lại niềm tự hào của tác giả *Bình Ngô đại cáo* năm xưa khi ông mở đầu tác phẩm bất hủ này bằng hai vế cân xứng:

Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập.

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.

Thực chất, đây không chỉ là chuyện khôn khéo, mà còn là một thực tế: Cách mạng tháng Tám của Việt Nam cũng đã giải quyết đúng những nhiệm vụ của hai cuộc cách mạng: Mỹ (1776) và Pháp (1789).

Bản tuyên ngôn của Bác nói rõ: “Dân ta đánh đổ xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập” – đó cũng là yêu cầu đặt ra cho cuộc cách mạng Mỹ: đấu tranh giải phóng các dân tộc Bắc Mỹ ra khỏi ách thực dân Anh.

Bản tuyên ngôn của Bác viết: “Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên dân chủ cộng hòa” – đây cũng là tinh thần cơ bản của cuộc cách mạng nhân quyền, dân quyền Pháp thế kỉ XVIII.

Phần suy rộng ra của Bác: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng. Dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”. Bác đã nâng quyền con người, quyền cá nhân thành quyền dân tộc. Đây là một đóng góp đầy ý nghĩa đối với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Một nhà văn hóa nước ngoài đã viết: “Cống hiến nổi tiếng của cụ Hồ Chí Minh ở chỗ Người đã phát triển quyền lợi của con người thành quyền lợi của dân tộc. như vậy, tất cả mọi dân tộc đều có quyền quyết định lấy vận mệnh của mình” (*Hồ Chủ tịch trong lòng dân thế giới* – NXB Sự thật, Hà Nội, 1979).

Như vậy, có thể xem luận điểm “suy rộng ra” của Hồ Chí Minh là phát súng lệnh khởi đầu cho bão táp cách mạng ở các nước thuộc địa, báo hiệu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân trên khắp thế giới vào nửa sau thế kỉ XX.

Khi *Tuyên ngôn Độc lập* ra đời, kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm đe dọa nền độc lập dân tộc là thực dân Pháp. Đây là nguy cơ ấy sẽ là một cuộc đấu tranh vũ trang lâu dài. Cuộc chiến này rất cần sự đồng tình ủng hộ của nhân loại tiến bộ. Muốn vậy, phải xác lập cơ sở pháp lí của cuộc chiến, phải nêu cao chính nghĩa, dùng chính nghĩa để đập tan luận điệu của bọn đế quốc. Có như vậy mới được nhân loại tiến bộ đồng tình ủng hộ.

Bên cạnh cơ sở pháp lí là cơ sở thực tiễn. Hồ Chí Minh đã đưa ra những dẫn chứng thực tế để vạch tội thực dân Pháp. *Thứ nhất*, thực dân Pháp kẻ công “khai hóa” Việt Nam thì Bác đã lên án chúng trên mọi phương diện (chính trị, kinh tế, văn hóa): “thủ tiêu mọi quyền tự do, dân chủ, chia rẽ ba kì, tẩm máu các phong trào yêu nước và cách mạng, thi hành chính sách ngu dân, đầu độc bằng thuốc phiện, rượu cồn, bóc lột và làm bần cùng hóa nhân dân, gây ra nạn đói khủng khiếp... hơn hai triệu người chết đói...” Tất cả những việc làm của thực dân Pháp trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa. Bản tuyên ngôn đã kết tội thực dân Pháp bằng những chứng cứ thực tế không thể chối cãi.

Thứ hai, thực dân Pháp kẻ công “bảo hộ” Việt Nam thì Bác nêu rõ: thực dân Pháp không những không bảo hộ được Việt Nam mà “trong vòng 5 năm chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật”. Hơn cả như vậy, khi thua chạy sau cuộc biến động ngày 9-3 (Nhật đảo chính Pháp), chính Việt Minh đã cứu giúp nhiều người Pháp, bảo vệ cả tính mạng và tài sản của họ. Đó là một thực tế mà ai cũng biết. Vậy thì ai “bảo hộ” ai?

Thứ ba, thực dân Pháp luôn tuyên bố Đông Dương là thuộc địa của Pháp, Pháp có quyền trở lại Đông Dương. Bác vạch rõ: “Sự thật là từ mùa thu 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật chứ không phải là thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật hàng Đồng minh, nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”.

Tóm lại, không có lí lẽ nào hơn sự thật, thuyết phục hơn sự thật mà sự thật ở đây thuộc về chính nghĩa. Bằng những sự thật, những chứng cứ thực tế bản tuyên ngôn đã bác bỏ mọi sự dính líu của Pháp ở Việt Nam.

Dựa trên những cơ sở vững chắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra lời tuyên bố độc lập, khẳng định nền độc lập dân tộc, khẳng định chính thể mới, khẳng định lập trường của nước Việt Nam mới. Hồ Chí Minh cũng không quên tuyên bố với thực dân Pháp, không quên ràng buộc các nước Đồng minh vào việc công nhận quyền độc lập của dân tộc Việt Nam đồng thời tuyên bố quyết tâm của dân tộc Việt Nam trong việc bảo vệ đến cùng nền tự do, độc lập của mình. (Xem chi tiết ở bài tham khảo đề số 3).

Tuyên ngôn Độc lập không phải là một văn kiện chính trị khô khan mà là một áng văn bất hủ chứa đựng những giá trị nhân đạo sâu sắc. Cơ sở của bản tuyên ngôn là quyền con người. Còn gì nhân bản hơn khi một văn kiện chính trị lại bắt đầu từ quyền con người. Chúng ta chiến đấu hi sinh là vì lẽ gì nếu không phải là vì con người?

Từ quyền con người, cái gốc của tư tưởng nhân văn cao đẹp, Bác đã phát triển thành quyền dân tộc. Bản tuyên ngôn, vì thế có giá trị nhân bản với toàn nhân loại, đặc biệt là với nhân dân các nước thuộc địa đang bị áp bức, bị tước đoạt quyền con người, tước đoạt quyền dân tộc.

Giá trị nhân bản của *Tuyên ngôn Độc lập* còn thể hiện trong những lời lẽ đanh thép lên án những tội ác vô nhân đạo của thực dân Pháp và thể hiện trong những lời ngợi ca sự anh dũng bất khuất của nhân dân Việt Nam. Nêu cao lá cờ chính nghĩa, bảo vệ chân lí, lẽ phải, kiên quyết lên án những gì đi ngược lại lẽ phải, chân lí, chính nghĩa, đó là tư tưởng nhân bản vừa mang tính truyền thống của dân tộc Việt Nam vừa chứa đựng tinh thần thời đại, tinh thần quốc tế vô sản.

Nếu văn chính luận thời xưa tác động đến người đọc cả lí trí và tình cảm bằng hệ thống hình tượng tầng tầng, lớp lớp thì văn chính luận hiện đại chủ yếu thuyết phục người đọc bằng hệ thống lí lẽ, lập luận chặt chẽ, sắc bén (như đã phân tích ở phần trên). Nói “chủ yếu” bởi vì trong *Tuyên ngôn Độc lập* của Bác, yếu tố xúc cảm, hình tượng thẩm mỹ cũng có một vai trò nhất định (sẽ trình bày ở phần sau).

Trước hết nói về tính chính luận hiện đại của *Tuyên ngôn Độc lập* là nói về tính khái quát của ngôn ngữ khoa học kết hợp với tính thời sự nóng hổi. Người viết dùng nhiều thuật ngữ chính trị học: “tự do”, “bình đẳng”, “bác ái”, “luật pháp”, “dân chủ”... Đây là những thuật ngữ mang tính bền vững đã được đưa vào từ điển khoa học chính trị. Dùng những thuật ngữ này, Hồ Chí Minh không chỉ muốn nói đến những quy luật chính trị tất yếu mà còn vận dụng nó vào trường hợp cụ thể, cần thiết: dân tộc Việt Nam có quyền hưởng tự do độc lập và thực sự đã trở thành một nước tự do, độc lập – đó là một tất yếu lịch sử.

Tính chính luận hiện đại của bản tuyên ngôn còn thể hiện ở tính thời sự nóng hổi (đã phân tích ở phần trên).

Tính trí tuệ và tính chiến đấu cũng là một biểu hiện của tính chính luận hiện đại. Hệ thống lập luận có sự kết hợp chặt chẽ của lôgic biện chứng và lôgic hình thức.

Xét về lôgic biện chứng thì lập luận được tác giả triển khai theo ba bước có quan hệ biện chứng chặt chẽ. *Bước một* nêu cơ sở pháp lí. Người viết xuất phát từ nguyên lí cơ bản về quyền dân tộc bình đẳng về đối thoại. *Bước hai* nêu cơ sở thực tế cho bản tuyên ngôn. Đó là tội ác vô nhân đạo và phi chính nghĩa của thực dân Pháp, đồng thời nêu thực tế đấu tranh cách mạng vì độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam và sự thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. *Bước ba*, trên cơ sở pháp lí và cơ sở thực tiễn, bản tuyên ngôn đưa ra lời tuyên bố chính thức về độc lập dân tộc và ý chí bảo vệ độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam. Nội dung của bản tuyên ngôn được biểu hiện bằng hệ thống lập luận chặt chẽ trong đó phần mở đầu là tiền đề lí lẽ, phần tiếp theo là luận cứ chứng minh và phần cuối là phần kết luận.

Xét về lôgic hình thức thì *Tuyên ngôn Độc lập* là một chỉnh thể của phương pháp luận “tam đoạn luận” (3 đoạn liên quan chặt chẽ trong một hệ thống lập luận). Đoạn 1 và đoạn 2 là hai đoạn tạo cơ sở để lời kết luận ở đoạn 3 là lời kết luận mang tính tất yếu theo suy luận lôgic hình thức.

Từng ý, từng câu trong *Tuyên ngôn Độc lập* đều mang tinh thần thép. Khéo léo mà kiên quyết, bằng một áng văn chính luận khúc chiết, hùng hồn, Hồ Chí Minh đã chặn đứng âm mưu kẻ thù, đặt cơ sở pháp lí vững vàng cho cuộc đấu tranh vũ trang không tránh khỏi của nhân dân Việt Nam để bảo vệ nền độc lập tự do của mình.

Tuyên ngôn Độc lập chủ yếu sử dụng hệ thống lập luận, song trong quá trình lập luận, có hai hình tượng được nổi lên. Đó là hình tượng thực dân Pháp và hình tượng nhân dân Việt Nam. Tuy nhiên đây không phải là kiểu hình tượng nhân vật trong tác phẩm văn học. Đây là những hình tượng chính luận mang tính bản chất sự vật.

Về hình tượng thực dân Pháp, trước hết đó là một kẻ lừa lọc gian manh mà biểu hiện chính là sự lợi dụng, lợi dụng ngọn cờ tự do, bình đẳng để làm những việc trái với nhân đạo, nhân quyền. Câu văn Hồ Chí Minh viết: “Thế mà hơn tám mươi năm nay...” đã lột tả rõ bản chất ấy. Thứ hai, thực dân Pháp là một tên khổng lồ tham lam, tàn bạo. Bao nhiêu quyền lợi chính trị, kinh tế của dân ta lần lượt bị cướp bóc. Có đến 14 lần tác giả sử dụng chữ “chúng”, chữ nào cũng gắn với một tội ác của thực dân Pháp. Từ hai nét trên, một nét thứ ba bất ngờ hiện ra. Đó là hình ảnh thực dân Pháp hai lần quỳ gối dâng nước ta cho Nhật. Từ một tên khổng lồ tàn ác, gian manh, thực dân Pháp bỗng trở nên thảm hại, dúm dỏ.

Hình tượng nhân vật Việt Nam đối lập với thực dân Pháp. Nếu thực dân Pháp được khắc họa từ lớn đến nhỏ thì ngược lại nhân dân Việt Nam được khắc họa từ nhỏ đến lớn, từ yếu đến mạnh, từ kẻ nô lệ trở thành người tự do. Trong những dòng đầu tiên của bản tuyên ngôn, dân ta được mô tả trong tình cảnh nhỏ bé, yếu ớt, thụ động, bị chém giết, bị bóc lột, bị đìm trong bể máu... kết quả là “hai triệu đồng bào ta chết đói”. Đây là đoạn văn vừa tinh tảo, vừa xót đau. Nỗi đau ấy được gọi lên qua những từ ngữ nhân xưng đối lập đi lặp lại: “ta”, “dân ta”, “nòi giống ta”, “đồng bào ta”, “các nhà tư sản ta”...

Trong khi hình tượng tên thực dân không lồ ngày càng teo tóp, hèn hạ thì hình tượng nhân dân Việt Nam càng lớn vụt lên. Điều này được thể hiện rõ qua cách sử dụng hàng loạt động từ mang tính hướng thượng: “nổi dậy”, “lấy lại nước”, “lập lại nước”, “đánh đổ xiềng xích”, “giành chính quyền”... Các từ ngữ này được dùng nhiều lần tạo nên khí thế trùng điệp, hào hùng. Đặc biệt đoạn cuối của tác phẩm: “Một dân tộc đã gan góc... Một dân tộc đã gan góc... Dân tộc đó phải được tự do. Dân tộc đó phải được độc lập”. Đây là đoạn văn vừa trang trọng vừa hùng hồn, vừa bình dị vừa mạnh mẽ. Chữ “gan góc” là một chữ dùng rất hay, vừa dân dã vừa giàu biểu tượng vừa nhiều nghĩa. Theo Chế Lan Viên: “Hai lần nhấn mạnh chữ “gan góc”, bốn lần nhấn mạnh chữ “dân tộc” và hai câu gần như lặp lại theo mẫu “dân tộc đó phải được...” mang sức nặng như những nhát dao chém đá”.

Người ta gọi *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi là một “áng thiên cổ hùng văn”. Cũng có thể nói như thế về *Tuyên ngôn Độc lập* của Hồ Chí Minh. *Tuyên ngôn Độc lập* đã tổng hợp trong một văn bản ngắn gọn, trong sáng, khúc chiết kinh nghiệm của nhiều thế kỉ đấu tranh vì độc lập, tự do, vì nhân quyền, dân quyền của dân tộc ta và nhân loại. Hồ Chí Minh cũng đã tự đánh giá đây là thành công thứ ba khiến Người “thấy sung sướng” trong cả cuộc đời viết văn làm báo dày kinh nghiệm của mình.